

## Phụ lục 4 C

### Quan hệ cội nguồn Lava –Lạc Việt

Trong cuốn sách trước (Tạ Đức 1999), tôi đã chứng minh người Lava hay Va, một tộc hiện sống rải rác ở Vân Nam, Lào, Thái Lan, Myanmar cũng là con cháu của người Lạc Việt thời Đông Sơn, đặc biệt, Lava và Va chính là các tên gọi gốc của Lạc Việt và Việt. Trong phần Phụ lục này, tôi sẽ tổng hợp các bằng chứng cũ và bổ xung các bằng chứng mới để khẳng định kết luận trên.

#### Bảng chứng ngôn ngữ

##### 1. Hệ ngôn ngữ

Tiếng Lava thuộc ngành Palaungic, hệ Nam Á. Haudricourt (1955), Peiros (2004) đều xác định ngành Palaungic rất gần gũi với ngành Việt-Mường.

##### 2. Họ từ Người

- **Tên tự gọi Lava=Lạc Việt<sup>1</sup>**

Trong sách báo tiếng Anh, tên Lava hay Va còn thường được ghi là Lawa, Lwa và Wa. Âm w có thể tương ứng với v/u/o, do đó Lawa= Lava= Lua= Lao. Ở đây, tôi chọn cách ghi Lava/Va.

Người Lava gồm nhiều nhóm địa phương có các tên tự gọi và được gọi như sau: *Lavua, Lavia, Lave, Rave, Ravet, Ravua, Kava, Kala, Hava, Vala, Khalok, Danao, Ss-va, Rvia, Avia, La, Lo, Luo, Luaq, Lao, Hkun Loi, Loila, Va, Va, Vu, Ve, Vo, Palaung, Bulang, Blang, Plang, Phang, Riang, Praok* (Diffloth 1980:107, Parkin 1991:109-13).

Các tên gọi trên của người Lava, là các tên gọi gốc trong tiếng Lava sẽ giúp chúng ta hiểu rõ nguồn gốc và sự biến đổi về âm của tên gọi Việt và Lạc Việt (Chương 4). Rõ ràng, chúng ta thấy:

- Các tên La, Va gần nhất với Ya, từ gốc của Việt.
- Tên đầu La đồng âm với La, tên người La=Lạc Việt (Chương 7).
- Tên đầy đủ Lava gốc Ya Ya, tương ứng với Yu Yue (âm Bắc Kinh), với Vu Việt/Cổ Việt/Âu Việt/Ư Việt, với tên người Lạc Việt ở Chiết Giang.
- Tên gọi tắt của Lava là Va, tương ứng với tên gọi tắt của Lạc Việt là Việt.
- Do sự tương ứng giữa các từ có nguyên âm cuối với các từ có thêm phụ âm tắc (t/k/c), La tương ứng với Lok/ Luaq/ Lạc; Va, Vu, Ve tương ứng với Vat, Vut, Vet (các biến thể của Việt trong tiếng Choang, tiếng Quảng Đông); Lava, Lavia, Ravet tương ứng với Lạc Việt.

---

<sup>1</sup> Điều lý thú là khi đánh từ 老越 (Lão Việt) trên Google, chương trình tự động dịch thành Lawas.

- Lao tương ứng với Lão/Giao (tên gọi người Lạc Việt từ người Hán), Đáo/Táo (tên gọi người Lạc Việt từ người Mường)
- Lava tương ứng với tên các nước cổ của người Lạc Việt ở Lào, Thái Lan được ghi trong sử là *Lão Qua, Lộ Lạc, Lộ Hạc, La Hộc*.
- Các tên gọi Palaung, Bulang, Blang, Plang tương ứng với tên gọi Văn Lang gốc Ya Yang, biến thể của Ya Ya.

- **Lava=Va=Người**

Parkin (1991:109) cho biết tên tự gọi Luaq của một nhóm Lava ở Thái Lan cũng là từ chỉ người bình dân, tương tự với từ Phray của người Thái.

Cholthira (1996:21) cho hay: trong biên niên sử Thái, tên tự gọi *Lua/Lavia* của người Lava đồng thời cũng là từ chỉ tầng lớp bình dân Lava.

Chúng ta biết tên tự gọi tộc người cũng thường là từ chỉ người bình dân. Phray chính là một biến thể của Tay/Thái=Người. Trong tiếng Mường, Mon= Người vừa là tên tự gọi vừa là từ chỉ bình dân Mường.

Như vậy, Luaq=Lua=Lavie=Lava=Va=Người.

Ferlus (1996:19) cũng xác định Lava=Người khi ông kết nối Lava với *lua=người đàn ông* trong tiếng Lava và với *Jru=Chrao=Người*, gốc của các tên gọi *Jru, Chrao* (hai nhóm Bana).

- **Lavoraja=Lạc vương, Lua=Lạc dân**

Theo Cholthira (1996: 21), trong biên niên sử Thái, vua Lava được ghi bằng chữ Phạn là *Lavoraja/Lavomaharaja* (Vua Lava/Vua Lớn Lava); tên vị vua huyền thoại đầu tiên của người Lava là *Pu Cao Lava Cok* với vợ là *Ya Thao Lava Cok*, các con trai cai quản các mường là *Lva Kumbho, Dassa Lakkho, Lva Gandha*.

Có thể thấy, các tên gọi trên đều gắn với tên gọi tộc người Lava, tương tự các tên Lạc Long, Lạc vương, Lạc hầu, Lạc tướng của người Lạc Việt xưa luôn gắn với tên gọi Lạc.

- **Nhà- làng**

Từ chỉ các đơn vị cơ bản của xã hội truyền thống Lava và Việt rất gần gũi nhau. Cụ thể: *nha/nya* (Lava)=nhà (Việt); *lang* (Lava)=*hlang* (Proto Va-Lava)=từ loại chỉ nhà tương ứng với *làng* trong tiếng Việt; *yong/yung/yuang/yueng*=làng (nhỏ) là gốc của cả từ *làng>láng* và từ *giếng*, từ đó có từ ghép *láng giếng*.

- **Va Pwi=Va Bé, Va Lon=Va Lớn**

Theo Parkin (1991:111) cho đến giữa thế kỷ 20, người Va ở Miến Điện vẫn phân ra thành hai nhóm *Va Lon* và *Va Pwi*. Parkin không cho biết nghĩa của hai tên gọi trên, nhưng có thể đoán chắc *Va Lon= Va Lớn Va, Pwi =Va Bé*. Cách phân biệt nhóm lớn-

nhóm bé cũng thấy ở người Thái Chiềng Mai gốc Lava: Thai Yai=Thái Lớn và Thai Noi=Thái Bé.

### 3. Tỷ lệ từ thân thuộc

So sánh 159 từ trong các tiếng Việt, Thái, Choang, Va, Blang, Palaung ( 3 ngôn ngữ cuối thuộc ngành Plaungic), hai học giả Trung Quốc Zhou Zhizhi và Yan Qixiang ( 1997) đã xác định tỉ lệ từ chung hay họ hàng giữa các ngôn ngữ trên như sau: Việt-Thái= 6,7 % (10 từ); Việt-Choang= 10% (16 từ); Việt –Va= 40% (65 từ); Việt-Blang= 25,5% (42 từ); Việt-Palaung= 21% (34 từ).

Xem xét cụ thể, tôi thấy các tỷ lệ trên chỉ gần đúng do hai tác giả đã coi một số từ Hán-Việt như *viễn, tiết, tiếu, ngũ, nang...* là từ Việt. Một số từ được cho là từ Thái hay Choang nhưng đúng ra là từ chung cho cả Việt, Thái, Choang, (ví dụ từ *me= mẹ*). Ngoài ra, họ cũng không biết tới các từ Việt cổ hiện chỉ còn trong các từ láy hay phương ngữ như *nạt=làm cho sợ, mong=muốn, dạ=bụng; ngó= xem, mèm=cũ.v.v* nên đã làm giảm đi tỷ lệ từ thân thuộc giữa tiếng Việt và tiếng Lava. Theo tôi, trong số 159 từ mà hai tác giả đưa ra, số từ họ hàng giữa tiếng Việt với tiếng Lava phải là 95 từ, tức khoảng 60%.

Hai học giả nhận xét: các nhóm Lava ở Vân Nam sống cách xa người Việt hàng trăm km, có ít hoặc không có quan hệ trực tiếp với người Việt nhưng có tỷ lệ từ thân thuộc với tiếng Việt cao hơn hẳn so với tiếng Thái và tiếng Choang là hai ngôn ngữ láng giềng. Cùng với những tương ứng về ngữ âm và tương đồng về ngữ pháp, tỷ lệ đó ủng hộ quan điểm tiếng Việt thuộc ngữ hệ Nam Á chứ không phải thuộc ngữ hệ Thái-Kađai.

Đó là kết luận của hai học giả Trung Quốc, còn kết luận của tôi là: các nhóm Lava ở Vân Nam là anh em ruột thịt với người Lạc Việt.

Một so sánh của riêng tôi từ vựng tiếng Lava ở Thái Lan và Va ở Vân Nam được rút ra từ hai công trình của Diffloth (1980) và Zhu zhizhi- Yan Qixiang (1997) với từ vựng tiếng Việt mà tôi biết cho thấy các từ thân thuộc giữa chúng gồm 2 loại từ, 3 giới từ, 6 số từ, 13 danh từ chỉ các vật trong tự nhiên, 17 danh từ chỉ người và đại từ nhân xưng, 19 danh từ chỉ thực vật, 20 từ chỉ các sản phẩm văn hóa, 27 danh từ chỉ bộ phận cơ thể, 29 danh từ chỉ động vật , 67 tính từ và trạng từ và 105 động từ. Điều đó chứng tỏ quan hệ cội nguồn gần gũi đặc biệt giữa hai tộc người dù đã phân hóa hàng ngàn năm, ở cách xa nhau hàng trăm dặm và trải qua vô số thăng trầm biến động trong lịch sử.

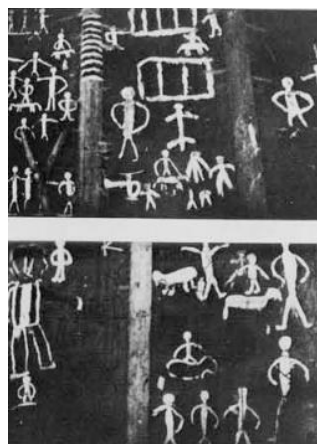
## Bằng chứng khảo cổ

### 1-Tranh vách đá Va- Lạc Việt

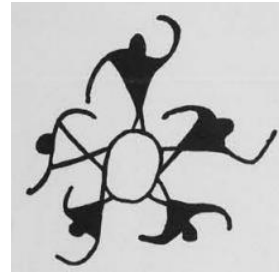
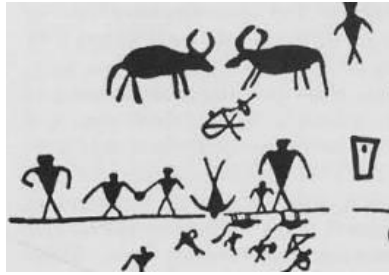
Tại châu tự trị Va ở Thương Nguyên, Vân Nam, gần biên giới với Miến Điện, các nhà khảo cổ học đã phát hiện ra 11 nơi có tranh vách đá được vẽ bằng chất liệu và có phong cách về cơ bản tương tự với tranh vách đá của người Lạc Việt ở Quảng Tây (Chương 11).

Theo Wang (1984) một số hình vẽ ở đây cũng thấy trên đồ đồng Thạch Trại Sơn và trên các trống đồng sớm (tức trống Đông Sơn) như hình nhà sàn có hai chim trên mái, hình hai người giã gạo bên nhà sàn, hình những người đàn ông nhảy múa tay cầm khiên, tay cầm dao, hình người trên đầu trang trí lông chim.v.v.

Liên hệ hình những người đang đi và nhào lộn trên dây với một đoạn trong *Hậu Hán Thư* nói về vương quốc Shan ở vùng Thương Nguyên đã gửi một nhóm nghệ sĩ xiếc, ảo thuật và đấu vật đến Lạc Dương, kinh đô nhà Hán vào năm 120, Wang xác định: tranh vách đá Thương Nguyên có niên đại khoảng thế kỷ 1-2 SCN và tác giả của chúng chính là tổ tiên của người Va, tộc người hiện chiếm 80% dân số ở Thương Nguyên và có cùng tâm thức, phong tục và phong cách nghệ thuật với họ. Không ngẫu nhiên, người Va ở đây hiểu rất rõ nội dung của tranh vách đá và nhanh chóng chỉ ra các mô típ, gọi tên các con vật trên tranh. Người Va cũng là tộc người còn giữ được nhiều nhất những phong tục thể hiện trên tranh vách đá, ví dụ cho đến những năm 1950, họ vẫn ở dạng nhà sàn có hai con chim gỗ trên hai đầu hồi, vẫn thổi tù và khi đi săn, vẫn giã cối trong các hội lễ. Họ cũng có những hình vẽ với các mô típ và phong cách tương tự với tranh vách đá tại các ngôi nhà làng hay nhà chủ làng. Có vẻ, họ đã kế thừa một di sản văn hóa từ những người vẽ tranh vách đá xưa.

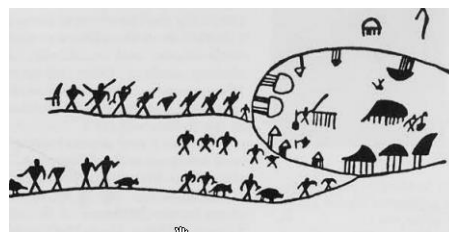
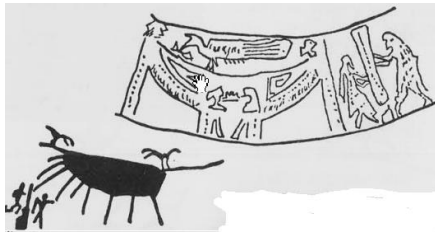


**Hình 1:** Tranh vách đá Thương Nguyên và tranh tường nhà chủ làng Va  
**Nguồn:** <http://www.1155815.com/>; Wang Ningsheng 1984



**Hình 2:** Mô típ thủ lĩnh-pháp sư trên đầu có lông chim; Mô típ trâu chọi trâu (?) và người làm xiếc; Mô típ cách điệu hóa cảnh người múa theo vòng tròn tương tự kiểu múa trên trống đồng.

**Nguồn:** Wang Ningsheng 1984



**Hình 3:** Hình nhà sàn mái sống võng, trên có chim đậu, dưới có hai người gĩa gạo giống hình nhà trên trống Hoàng Hạ và hình làng bầu dục, nhà làng mái sống võng ở giữa, nhà ở mái hồi tròn quay xung quanh.

**Nguồn:** Wang Ningsheng 1984

Để thấy, về cơ bản tranh vách đá Thương Nguyên có cùng nội dung và phong cách với tranh vách đá Hoa Sơn của người Lạc Việt ở Quảng Tây (Chương 11). Có lẽ, người Va Thương Nguyên chính là con cháu một nhóm Lạc Việt từ Quảng Tây thiên di về phía Tây.

## Bằng chứng dân tộc học – sử học

### 1. Truyền thuyết cội nguồn

Cholthira (1997: 11) cho biết, theo biên niên sử Lanna, ông tổ hay vị vua đầu tiên của người Lava ở miền Bắc Thái Lan là *Pu Cao Lava Cok*, có vợ là *Ya Thao Lava Cok*. Họ cùng có tên là *Cok* bởi mỗi người có 500 cái *cok* cùng với 500 gia đình. Họ có ba con trai là *Lva Moe*, *Lva Lan* và *Lva Klin*, được mẹ giao cho cai quản ba vùng.

Truyền thuyết Lava trên có lẽ là một biến thể của truyền thuyết Lạc Long-Âu Cơ, 50 con theo mẹ lên vùng núi, 50 con theo cha xuống vùng ven biển, vua Hùng là con cả trong số 50 con theo mẹ.

Về từ *cok*, Cholthira cho biết trong bản gốc là cây gậy chọc lỗ, nhưng bản tiếng Thái dịch là cái cuốc. Dễ thấy *cok* (Lava) rất gần với *chọc/cuốc* (Việt), cho thấy cây gậy chọc lỗ là tiền thân của cái cuốc.

## 2. Truyền thuyết Việt Thường

Theo Đào Duy Anh (2010: 219) sách *Điền Hệ* viết về các tộc thiểu số ở Vân Nam cho biết người Săn Lý hay Xa Ly có truyền thuyết kể đời Chu Thành vương, tổ tiên họ sai sứ giả đến triều cống nhà Chu, khi về được Chu Công ban cho xe chỉ nam, vì thế họ lấy tên là Xa Lý. Lại có một tộc khác là người Lão Qua có truyền thuyết kể vào thời Chu, tổ tiên của họ ở nước Việt Thường. *Điền Nam tạp chí* lại viết Miến Điện là nước Việt Thường xưa.

Săn Lý, Xa Ly và Lão Qua chính là các phiên âm khác nhau của tên gọi Sva/Lava. Tên gọi Xa Ly nay vẫn còn dấu tích trong tên huyện Phong Xa Lý ở Lào. Xa Lý là tên gọi thời Minh của Sipsongpanna-một vùng đất của người Thái Lự gốc Lava (Phụ lục 16A).

Tại Miến Điện, hiện có khoảng 800 000 người Va, sống chủ yếu ở miền Bắc bang Shan và miền Đông bang Kachin dọc biên giới Trung-Miến. Họ là một nhóm Va có gốc từ Vân Nam-Quảng Tây. Do họ có truyền thuyết Việt Thường nên tác giả của *Điền Nam tạp chí* nhằm tưởng Miến Điện, nơi họ sống là nước Việt Thường.

Mặt khác, tên gọi một số nhóm gần gũi với người Va là Palaung, Bulang, Blang cũng tương ứng với Văn Lang-Việt Thường.

Như vậy, việc người Va ở Miến Điện, người Xa Ly ở Vân Nam và người Việt ở Việt Nam đều có chung truyền thuyết về nước Việt Thường phản ánh cội nguồn chung của họ là người Lạc Việt- Hồ Nam, đất Việt Thường xưa.

## 3. Khun Chương-Hai Bà Trưng-Vua Hùng-Mị Nương

Cholthira (1997: 14) dẫn sử Lanna cho biết, vào triều đại cuối cùng của vua Lava Canka Raja (thế kỷ VII), hoàng hậu *Mea Ku* đã được giao cho việc trị nước với niềm tin đất nước sẽ chống lại được sự bành trướng của người Miến nếu triều đình tiến hành một nghi lễ cổ là trong lễ lên ngôi, vị vua mới phải làm lễ “*phiithii suup chataa Khun Chương*” tức trở thành *Khun Chương*, thành *Vua-Thần*.

Sự kiện trên cùng danh hiệu *Khun Chương* làm chúng ta nhớ tới sự kiện năm 40, Hai Bà Trưng lãnh đạo người Lạc Việt đứng dậy giành độc lập.

*Lĩnh Nam chí* viết: “Hai Bà họ Lạc, khi xưng vương mới có họ Trưng”. Có lẽ, khi lần đầu tiên phát cờ lãnh đạo người Lạc Việt nổi dậy chống ách thống trị của nhà Hán, Hai Bà cũng đã tiến hành nghi lễ để trở thành *Vua-Thần*, với niềm tin sẽ “đuổi

sạch bóng thù và nổi nghiệp xưa vua Hùng”. Trưng Trắc và Trưng Nhị là phiên âm của Chương Cả=Vua Nhất và Chương Nhị=Vua Nhì.<sup>1</sup>

Trong tên gọi hoàng hậu Mea Ku, Mea=Mẹ tương ứng với Mị trong tên Mị Nương, Mị Châu, công chúa con vua Hùng và vua An Dương. Trong tên Khun Chương, Khun tương ứng với Hùng, còn Chương tương ứng với Trưng.

Tương tự như Mị, Hùng, danh hiệu Chương-Trưng được người đời sau hiểu là họ, và thực sự đã trở thành họ, nhưng là một họ đặc biệt.

Tại nước Đại Việt, Trưng đã trở thành họ của hai vị thần *Trương Hồng* và *Trương Hát*, nguyên là thần rắn nước, tên dân gian là Ông Dài - Ông Cụt, được phong là thần bảo hộ của nhiều làng thuộc 172 xã ven sông Cà Lồ, sông Thương, sông Cầu, từ đó, còn được gọi là Thánh Tam Giang. Theo truyền thuyết, hai ông là tướng của Triệu Quang Phục (thế kỉ 6). Khi Triệu Quang Phục bị giết, hai ông đã không theo Lý Phật Tử mà tự vẫn, trở thành thần hiển linh báo mộng-âm phù cho vua Ngô Quyền đánh giặc Nam Hán, được con Ngô Quyền phong là Đô hộ quốc thần vương (Vua thần giúp nước). Hai vị cũng đã giúp Lê Hoàn và Lí Thường Kiệt đánh Tống (bài thơ "Thần" –Bản Tuyên ngôn Độc lập đầu tiên của dân tộc) đã vang lên trong đền của hai Ngài, tức là lời của hai Ngài).

Như vậy, nghĩa gốc sâu xa của hai tên Trương Hồng-Trương Hát chính là Thần Hồng-thần Hát.

Tạ Chí Đại Trường (1989) khi viết về hai vị thần này từng cho rằng "sức mạnh thiên nhiên có công phù trợ nhà nước như thế, đã được nhân thần hóa thì phải mang họ của người và tất nhiên phải là họ tôn quý". Nhưng ông đã không hiểu vì sao họ Trương lại là họ tôn quý lúc bấy giờ. Ông chỉ biết đó là họ tôn quý qua sự kiện năm 1129, thái úy Lê Bá Ngọc, người được Lí Nhân Tông mời đến khi hấp hối, giao cho việc trấn giữ cung điện đề phòng bạo loạn khi Thần Tông-lên ngôi. Người nắm trong tay vận mệnh của dòng họ Lý lúc đó đã được phong chức Thái sư và được đổi làm họ *Trương*.

Giờ đây, từ một sự kiện trong sử Lava, chúng ta mới hiểu được ý nghĩa tâm linh của danh hiệu Chương/Trưng thời Bắc thuộc và họ Trương thời độc lập. Những người có danh hiệu đó là những vị Vua-Thần có sứ mệnh cứu vớt dân tộc hay đưa đất nước vượt qua các cơn khủng hoảng và thử thách.

Chúng ta cũng thấy, một truyền thống Lạc Việt đã được cả người Lava ở Thái Lan và người Đại Việt ở Việt Nam gìn giữ qua hàng ngàn năm.

#### **4. Cối gỗ Lava - trống đồng Đông Sơn**

Kauffmann (1980:113) cho biết: người Lava thường dùng một dạng cối giã gạo bằng gỗ có đai bao quanh lưng eo. Tại vùng núi Bắc Thái Lan, dạng cối này chỉ có ở người Lava (trừ một làng Karen). Có thể coi đó là dạng cối đặc trưng của họ.

---

<sup>1</sup> Một cách lý giải cho rằng Trưng Trắc và Trưng Nhị có gốc từ Trưng Chắc và Trưng Nhì, hai từ của những người nuôi tằm chỉ trưng ngài tốt nhất, tốt nhì. Nhưng theo tôi, Trắc có gốc So/To/Cả và Nhị có gốc Dạ/Hai (âm cổ Ar gần gũi với Er=Nhị), tức Trưng Trắc-Trưng Nhị= Vua Cả-Vua Thứ hay Vua Nhất-Vua Nhì trong tiếng Việt cổ.

Kauffmann thấy người Lava bỏ nhiều công sức để tạo ra dạng cối có đai trên, trong khi các tộc người khác quanh họ chỉ làm ra những chiếc cối hình ống không đai đơn giản. Ông đặt câu hỏi: vì sao? Và ông trả lời: người Lava đã kế thừa việc chế tác dạng cối đó cùng với các cây cột lễ-cột đâm trâu, các mô típ điêu khắc nhà cửa từ tổ tiên họ.

Dạng cối lưng eo mang truyền thống Lava đó chính là một nguyên mẫu của trống đồng Đông Sơn. Không ngẫu nhiên, người Đông Sơn xưa và người Mường nay đánh trống đồng kiểu giã cối.

Năm 2010, khi nạo vét một con sông ở vùng cổ đô Hoa Lư, người ta đã phát hiện được 3 “khối đá hình trống đồng” có dáng giống hệt dạng cối gỗ Lava trên, chỉ khác có mô típ cánh sen của Phật giáo trên đai. Người Việt có truyền thống dùng cối đá cũ để làm bệ cột dựng chùa. Ba khối đá Hoa Lư là những bệ cột nhà mang hình cối đá Việt kế thừa hình hài cối gỗ Lạc Việt xưa và giống cối gỗ Lava nay.



Hình 4: Cối gỗ Lava, Thái Lan và bệ cột đá Ninh Bình.

Nguồn: Kauffmann: 1980; <http://www.tinmoi.vn/>

#### 4. Truyền thống đúc trống đồng

Theo Kempers (1988: 399) người Khmu ở Lào nói họ mua trống đồng từ người Lwa ở Miến Điện.

Theo Cooler (1995:10, 28, 30) truyền thuyết của người Karen ở Miến Điện kể rằng ngày xưa họ thường đổi hàng hoặc mua trống đồng từ một tộc người có các tên gọi khác nhau là Kwa/Swa/Wa hay Yu/Yun/Yung ở Vân Nam.

Tất cả các tên gọi trên đều là các biến thể của tên gọi Lava/Va.

Như vậy, cho đến đầu thế kỷ 20, người Lava/Va ở Vân Nam và Miến Điện vẫn còn gìn giữ được nghề đúc trống đồng của tổ tiên-người Lạc Việt thời Đông Sơn.

#### 5. Truyền thống điêu khắc gỗ

Kauffmann (1980:110) nhận xét: người Lava rất tài hoa trong nghệ thuật điêu khắc gỗ, một nghệ thuật không hề thấy ở các tộc miền núi khác tại Thái Lan.



Các hình minh họa của Kaffmann cho thấy nhiều mô típ điêu khắc gỗ Lava tương đồng với các mô típ trên trống đồng Đông Sơn, đặc biệt mô típ mặt trời.

Nghệ thuật điêu khắc gỗ Lava thể hiện rõ nhất tại ngôi nhà làng-nơi diễn ra các nghi lễ của làng. Nghệ thuật điêu khắc gỗ Việt cũng kết tinh tại ngôi nhà làng- đình làng Việt.

Chắc chắn, nghệ thuật điêu khắc gỗ Lava và Việt đã cùng chảy từ một cội nguồn chung: nghệ thuật tạo hình trên đồ đồng Đông Sơn.



**Hình 5:** Mô típ mặt trời Đông Sơn trên điêu khắc gỗ Lava và một phù điêu Lava.

**Nguồn:** Kauffmann 1980.

### **Bằng chứng di truyền**

Nghiên cứu của một nhóm học giả quốc tế (trong đó có hai người ở Trường Cao đẳng y khoa Huế) do Hui Li (2006) chủ trì về vân tay người Việt và các tộc khác ở Nam Trung Quốc cho thấy vân tay người Việt rất gần gũi với vân tay người Deang và Blang, hai nhóm Lava hơn với các nhóm nói tiếng Thái.

### **Kết luận**

1-Các bằng chứng ngôn ngữ, dân tộc học, sử học, di truyền học thống nhất khẳng định người Lava là con cháu gần gũi nhất với người Lạc Việt xưa. Lava là tên gọi gốc hay tên gọi "thuần Việt" của Lạc Việt.

2-Người Lava ở Thái Lan và Miến Điện là con cháu người Lạc Việt từ Quảng Tây và Bắc Việt Nam di tản hay di cư sau khi nhà Hán áp đặt ách đô hộ ở hai vùng này ( Phụ lục 16 A).